

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HS-ST
Ngày 02 tháng 4 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Biên;

2. Ông Nguyễn Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2018/TLST -HS ngày 09 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST- HS ngày 19 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn L, sinh năm 1987; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 09/12; Con ông: Nguyễn Văn M, sinh năm 1963 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa; Nhân thân: Bản án số 659/2009/HSPT ngày 30/10/2009, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 4 năm tù về tội “ Cố ý gây thương tích”. Ra trại năm 2010. Năm 2013, Chủ tịch UBND huyện Y, tỉnh Bắc Giang quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng.

- Bị cáo bị bắt quả tang ngày 19/12/2017, chuyển tạm giam ngày 22/12/2017. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (Có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Giáp Văn T, sinh năm 1991.

Trú quán: Đội A, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1991

Trú quán: Xóm L, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Anh Trần Văn T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982

Trú quán: Thôn M, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 50 phút ngày 19/12/2017 tại khu vực vỉa hè gần cây xăng xã M, thuộc thôn M, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang tổ công tác Công an thành phố B bắt quả tang Nguyễn Văn L có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Giáp Văn T. Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ tại lòng bàn tay phải của T 02 (hai) gói giấy bạc, đều có mặt ngoài màu vàng, mặt trong màu trắng nghi là ma túy Hêrôin, được cho vào phong bì thư ký hiệu “QT01”;

- Thu trong túi áo khoác bên trái của L 250.000đồng được cho vào phong bì thư ký hiệu “QT02”.

Ngoài ra, còn tạm giữ của L: 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave RS màu trắng đen, Biển kiểm soát 98Y5-8320 có số khung RLHJC 4329BY 020414, số máy J6 43E 5923754; 01 điện thoại di động Qsmart S1 màu đen có Imel 866479010925823; 01 ví da màu đen bên trong đựng 01 chứng minh thư nhân dân tên Nguyễn Văn L và số tiền 260.000đồng.

Kết luận giám định số 1977/KL-PC54 ngày 20/12/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

“ Trong phong bì thư có ký hiệu “QT01” đã được niêm phong gửi giám định; Chất cục bột màu trắng đựng trong 02 (hai) gói giấy bạc đều có mặt ngoài màu vàng, mặt trong màu trắng đều là chất ma túy Hêrôin, có tổng trọng lượng (khối lượng) 0,021 gam”.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn L và các đối tượng khai nhận như sau: Khoảng 10 giờ ngày 19/12/2017, trên đường đi uống thuốc Methanol xã Song Mai, thành phố B, L nhận được điện thoại của Trần Văn T, sinh năm 1974 ở Thôn D, xã

T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. T nhờ L mua hộ 02 gói ma túy Hêrôin giá 200.000đồng, T hẹn gặp L ở khu vực quán nước gần cây xăng M để lấy ma túy, L đồng ý. Sau khi uống thuốc Methanol, L đi về đến đầu cầu sắt khu vực bờ đê Chi Ly 1, phường Trần Phú, thành phố B thì gặp một nam thanh niên không quen biết. L mua của người thanh niên này 02 gói ma túy Hêrôin với giá 220.000đồng. Sau khi mua được ma túy, L đem giấu ở khu vực gầm cầu dân sinh thôn M, xã T, thành phố B rồi đến chỗ hẹn gặp T. Đến nơi, L bảo T đưa tiền nhưng T nói chưa có tiền, lúc này Giáp Văn T ngồi gần T bảo L để cho 2 gói ma túy Hêrôin, T sẽ trả thêm cho L 50.000đồng nữa. L đồng ý bảo T ngồi đợi, còn L đi đến gầm cầu dân sinh xã M lấy ma túy mang về cho T. Tại quán nước, T đưa cho L 250.000đồng, L lấy 02 gói ma túy đưa cho T thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản Cáo trạng số 45/CT-VKS ngày 09 tháng 3 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Giáp Văn T vắng mặt, có trình bày tại Cơ quan điều tra như sau: Ngày 19/12/2017 anh có hành vi mua 2 gói ma túy Hêrôin của Nguyễn Văn L với giá 250.000đồng thì bị Cơ quan công an bắt quả tang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị M vắng mặt nhưng trình bày tại Cơ quan điều tra như sau: Ngày 19/12/2017 Nguyễn Văn L đã mượn của chị chiếc xe mô tô BKS 98Y5- 8320, khi mượn L nói là mượn để đi chạy xe ôm, chị không biết L sử dụng xe của chị vào việc mua bán ma túy. Nay chiếc xe đã được trả lại cho chị, chị không có yêu cầu bồi thường gì.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.
2. Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L từ 02 (hai) năm 02 (hai) tháng đến 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 19/12/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015. Điểm a, b khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Xử lý vật chứng theo quy định.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Hồi 11 giờ 50 phút ngày 19/12/2017 tại khu vực vỉa hè gần cây xăng xã M thuộc thôn M, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang Công an thành phố B bắt quả tang Nguyễn Văn L có hành vi bán trái phép 0,021 gam chất ma túy Hêrôin cho Giáp Văn T. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật hình sự, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. chỉ vì lợi ích cá nhân đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý chất biệt dược gây nghiện của Nhà nước và gây mất trật tự, an ninh xã hội. Từ tệ nạn ma túy làm nảy sinh nhiều loại tội phạm gây nhức nhối cho toàn xã hội. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự và có hình phạt tù tương xứng buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người tốt và răn đe phòng ngừa chung.

[4]. Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Tiền án, tiền sự: chưa

- Nhân thân: Bị cáo đã bị xét xử hình sự về hành vi cố ý gây thương tích và bị áp dụng biện pháp xử đưa vào cơ sở chữa bệnh 24 tháng. Bị cáo đã bị đưa ra xét xử về hình sự, bị xử phạt hành chính nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho

bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Do vậy, cần phải có hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5]. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Tại giai đoạn điều tra và trước phiên toà hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đã gây ra. Đây là những tình tiết để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[6]. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7]. Thời điểm truy tố bị cáo Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 đã có hiệu lực thi hành nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản tại Bộ luật hình sự năm 2015. Tại thời điểm xét xử Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 đã có hiệu lực thi hành, các quy định về tội danh, về hình phạt của tội “Mua bán trái phép chất ma túy” của Bộ luật hình sự năm 2015 không có gì thay đổi so với Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên, tại Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định là tội ghép “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy”, Bộ luật hình sự năm 2015 đã tách tội “Mua bán trái phép chất ma túy” thành một điều luật độc lập. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 xét xử bị cáo.

[8]. Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tội Mua bán trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có việc làm và thu nhập ổn định, không có khả năng thi hành án dân sự theo xác nhận của chính quyền địa phương ngày 22/02/2018, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9]. Người thanh niên bán ma túy cho L do L khai không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể ở đâu nên không đủ căn cứ xác minh xử lý.

[10]. Đối với Thân Văn T là người nhờ L mua ma túy nhưng L chưa giao ma túy cho T nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp .

[11]. Chiếc xe mô tô Wave RSX, biển kiểm soát 98Y5- 8320 là của chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1991 ở xóm Lai, xã T, huyện Y cho L mượn. Chị M không biết L sử dụng chiếc mô tô vào việc phạm tội. Ngày 31/12/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô trên cho chị M là đúng quy định của pháp luật.

[12]. Về vật chứng:

- 01(một) phong bì thư niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy;

- Số tiền 250.000đồng là tiền T mua ma túy của L và 01(một) điện thoại di động Qsmart màu đen đã sử dụng vào việc giao dịch mua ma túy cần tịch thu sung công quỹ nhà nước;

- Số tiền 260.000đồng là tài sản của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho bị cáo, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bị cáo 01(một) ví da màu đen bên trong đựng 01(một) chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn L

[13]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 19/12/2017.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015. Điểm a, b khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01(một) phong bì thư niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định;

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: Số tiền 250.000đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) và 01 (một) chiếc điện thoại di động Qsmart màu đen đã qua sử dụng.

- Trả lại bị cáo: Số tiền 260.000đồng, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bị cáo: 01 (một) ví da màu đen bên trong đựng 01(một) chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn L.

(Vật chứng của vụ án được chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo Quyết định chuyển vật chứng số 38/QĐ- VKS ngày 09/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

**T/M - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- VKS thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- CQ THADS TPBG;
- Lưu HS, VP.

Trần Thị Hà